

KHÓ KHĂN TÂM LÍ VÀ THỰC TRẠNG HỖ TRỢ TÂM LÍ HỌC ĐƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Lệ Thu^{*1}, Nguyễn Thị Nhân Ái¹, Phạm Thị Diệu Thuý¹ và Nguyễn Thị Vân²

¹*Khoa tâm lí Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

²*Khoa Tâm lí học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn,
Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh*

Tóm tắt. Nghiên cứu tiến hành khảo sát khó khăn tâm lí và thực trạng hỗ trợ tâm lí học đường trên 231 học sinh trung học tại TPHCM (trong đó có 111 học sinh THPT và 120 học sinh THCS) thông qua việc hoàn thành bảng hỏi tự thuật về các lĩnh vực: (1) Lĩnh vực học tập; (2) Sự phát triển tâm lí và sinh lí của bản thân; (3) Giao tiếp, ứng xử với bạn bè; (4) Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân; (5) Giao tiếp, ứng xử với thầy cô giáo. 111 học sinh THPT hoàn thành thêm một lĩnh vực khảo sát về hướng nghiệp. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy học sinh THCS gặp khó khăn nhiều nhất ở lĩnh vực học tập, học sinh THPT gặp khó khăn nhiều nhất ở lĩnh vực học tập, hướng nghiệp và sự phát triển tâm sinh lí; có sự khác biệt về mức độ khó khăn tâm lí ở học sinh xét theo các biến số khối lớp, giới tính, học lực, hoàn cảnh kinh tế của gia đình, và trình độ của mẹ. Nghiên cứu cũng chỉ ra học sinh THCS-THPT thường chọn cách giải quyết KKTL qua chia sẻ với bạn, tâm sự với cha mẹ, người thân và tham gia các hoạt động tập thể. Khoảng hơn một nửa học sinh hài lòng với sự trợ giúp khó khăn tâm lí của nhà trường dành cho các em. Đa số giáo viên cho rằng học sinh nên được chuyên gia tâm lí trợ giúp chứ không phải giáo viên và cán bộ trong nhà trường.

Từ khóa: Khó khăn tâm lí, học sinh, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Hỗ trợ tâm lí học đường.

1. Mở đầu

Khó khăn tâm lí của học sinh được hiểu là sự thiếu hụt về nhận thức, cảm xúc, hành vi gây cản trở cho việc thực hiện hoạt động của học sinh và làm cho hoạt động đó kém hiệu quả ở các lĩnh vực: Học tập; Phát triển tâm sinh lí của bản thân; Giao tiếp, ứng xử và Hướng nghiệp, v.v. Hỗ trợ tâm lí học đường bao gồm các hoạt động nhận diện phát hiện sớm, phòng ngừa và can thiệp cho học sinh ở các lĩnh vực nhận thức, học tập, hành vi, cảm xúc hoặc xã hội ở môi trường học đường, gia đình và cộng đồng nhằm đảm bảo mỗi em có được sự khỏe mạnh và ổn định về sức khỏe thể chất và tinh thần, tạo điều kiện tốt nhất để các em tham gia học tập, rèn luyện và phát triển nhân cách.

Học sinh trung học cơ sở (THCS) và học sinh trung học phổ thông (THPT) là giai đoạn tâm lí rất phức tạp với những khó khăn tâm lí đặc trưng gây cản trở nhất định trong tiến trình phát triển của các em trên nhiều lĩnh vực nhận thức, cảm xúc, hành vi và quan hệ xã hội (Cao Vũ Hùng & CS, 2007; Ngô Thanh Hồi & CS, 2007; Nguyễn Hồi Loan, 2009; Đặng Hoàng Minh & CS, 2013).

Ngày nhận bài: 11/8/2020. Ngày sửa bài: 27/8/2020. Ngày nhận đăng: 1/9/2020.

Tác giả liên hệ: Trần Thị Lệ Thu. Địa chỉ e-mail: thuttl@hnue.edu.vn

Vấn đề chăm sóc sức khỏe tâm lí cho học sinh trong trường học từ lâu đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước, đặc biệt công tác hỗ trợ tâm lí học đường. Ở Nhật Bản, 15% trẻ em trong độ tuổi 12-15 tuổi cho thấy có vấn đề sức khỏe tâm lí. Ở Mĩ tỉ lệ này là 21% trẻ em độ tuổi từ 9 - 17 tuổi, ở Đức là 20,7% (Đặng Hoàng Minh & CS, 2013). Ở Việt Nam, nghiên cứu của nhóm tác giả Ngô Thanh Hồi & cộng sự (2007) chỉ ra 19,46% học sinh có vấn đề sức khỏe tâm lí; nghiên cứu của nhóm tác giả Đặng Hoàng Minh & Hoàng Cẩm Tú (2009) cho thấy 25,76% học sinh THCS có vấn đề sức khỏe tâm lí, trong đó ở mức ranh giới là 18,42%.

Nhằm góp phần cập nhật tình hình các vấn đề sức khỏe tâm lí của học sinh và công tác hỗ trợ tâm lí học đường trong các nhà trường phổ thông tại Việt Nam; trong bài viết này chúng tôi đề cập tới khó khăn tâm lí và thực trạng hỗ trợ tâm lí học đường cho học sinh THCS và THPT trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu, công cụ và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên tổng mẫu là 231 học sinh, trong đó có 120 học sinh THCS và 111 học sinh THPT trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Mẫu khách thể lấy theo phương pháp thuận tiện và ẩn danh (*dựa trên sự đồng thuận của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh; sự hợp tác và sẵn sàng của các trường học trên địa bàn thành phố*). Phương pháp chính của nghiên cứu này là phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi với 02 mẫu phiếu- kí hiệu là mẫu phiếu M2 (*dành cho học sinh THCS*) và M3 (*dành cho học sinh THPT*). Bên cạnh đó nghiên cứu sử dụng phương pháp chuyên gia, phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp xử lí kết quả bằng phần mềm thống kê SPSS phiên bản 20.0.

Mẫu phiếu M2 và M3 có cấu trúc chung gồm 4 thành phần:

A/ Thông tin chung: (1) Giới tính; (2) Lớp; (3) Trường; (4) Học lực; (5) Kinh tế gia đình; (6) Trình độ của bố mẹ; (7) Nghề nghiệp của bố mẹ.

B/ Khó khăn tâm lí chung: (1) Đánh giá chung về những khó khăn tâm lí mà học sinh gặp phải; (2) Đánh giá khó khăn của học sinh trong từng lĩnh vực cụ thể.

Đối với mẫu phiếu M2, việc đánh giá khó khăn của học sinh THCS được tiến hành theo 5 lĩnh vực: (1) Lĩnh vực học tập; (2) Sự phát triển tâm lí và sinh lí của bản thân; (3) Giao tiếp, ứng xử với bạn bè (bạn cùng giới, khác giới, tình yêu); (4) Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân; (5) Giao tiếp, ứng xử với thầy cô giáo.

Đối với mẫu phiếu M3, việc đánh giá khó khăn của học sinh THPT được tiến hành theo 6 lĩnh vực: (1) Lĩnh vực học tập; (2) Sự phát triển tâm lí và sinh lí của bản thân; (3) Giao tiếp, ứng xử với bạn bè (bạn cùng giới, khác giới, tình yêu); (4) Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân; (5) Giao tiếp, ứng xử với thầy cô giáo; (6) Hướng nghiệp.

Thông tin về độ tin cậy của phiếu khảo sát M1 và M2 được thể hiện ở Bảng 1 và 2 dưới đây.

Bảng 1. Thông tin về độ tin cậy của phiếu khảo sát học sinh THCS

Stt	Lĩnh vực	Hệ số Cronbach's Alpha	Số lượng items	Hệ số tương quan với biến tổng của từng item
1	Học tập	0,849	11	0,406- 0,672
2	Sự phát triển tâm lí và sinh lí của bản thân	0,828	10	0,341- 0,593
3	Giao tiếp, ứng xử với bạn bè	0,761	13	0,256- 0,487
4	Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân	0,817	10	0,347- 0,688
5	Giao tiếp, ứng xử với thầy cô giáo	0,849	8	0,329- 0,718

Bảng 2. Thông tin về độ tin cậy của phiếu khảo sát học sinh THPT

Stt	Lĩnh vực	Hệ số Cronbach's Alpha	Số lượng items	Hệ số tương quan với biến tổng của từng item
1	Học tập	0,850	11	0,381- 0,720
2	Sự phát triển tâm lý và sinh lý của bản thân	0,850	10	0,302- 0,753
3	Giao tiếp, ứng xử với bạn bè	0,811	12	0,305- 0,610
4	Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân	0,830	11	0,367- 0,650
5	Giao tiếp, ứng xử với thầy cô giáo	0,876	8	0,503- 0,792
6	Hướng nghiệp	0,797	5	0,336-0,723

Việc kiểm định độ tin cậy của các mẫu phiếu khảo sát được tiến hành trên từng nhóm mẫu chọn. Đối với những item không đủ độ tin cậy (item có chỉ số Cronbach's Alpha dưới 0,3) được loại bỏ, các item đảm bảo độ tin cậy đều được giữ nguyên trên cả hai mẫu phiếu THCS & THPT. Riêng đối với lĩnh vực “*Giao tiếp, ứng xử với bạn bè*” ở mẫu phiếu khảo sát của học sinh THCS có một item có hệ số Cronbach's Alpha = 0,256, tuy nhiên khi xóa item này khỏi thang đo hệ số tin cậy của toàn thang không tăng lên nên item này được giữ lại. Kết quả nghiên cứu được xử lý và phân tích trên phần mềm SPSS 20.0.

2.2. Khó khăn tâm lý của học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh trung học cơ sở nhóm mẫu thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát khó khăn tâm lý của học sinh THCS trên địa bàn TPHCM được tổng hợp trong các Bảng 3, 4 và 5.

Bảng 3. Khó khăn tâm lý của học sinh THCS tại TPHCM ở 5 lĩnh vực

Stt	Lĩnh vực khó khăn	ĐTB	ĐLC	TB
1	Lĩnh vực học tập	2.20	0.636	1
2	Sự phát triển tâm lý và sinh lý của bản thân	1.97	0.620	2
3	Giao tiếp, ứng xử với bạn bè (bạn cùng giới, khác giới, tình yêu)	1.67	0.446	5
4	Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân	1.80	0.574	4
5	Giao tiếp, ứng xử với thầy cô giáo	1.89	0.708	3
	Chung	1.88	0.465	

(Chú thích: ĐTB- Điểm trung bình, ĐLC- Độ lệch chuẩn, Điểm: Min=1, Max=4)

Theo kết quả tự đánh giá của học sinh, các em gặp khó khăn ở cả 5 lĩnh vực với ĐTB dao động trong khoảng 1,67- 2,20 trên thang điểm 4. “*Lĩnh vực học tập*” là lĩnh vực học sinh gặp khó khăn nhiều nhất (ĐTB 2,20; ĐLC 0,636). Lĩnh vực “*Giao tiếp ứng xử với bạn bè*” (ĐTB 1,67; ĐLC 0,446) là lĩnh vực học sinh ít gặp khó khăn nhất.

Đây cũng chính là điểm tương đồng với nghiên cứu về khó khăn tâm lý của học sinh THCS trên địa bàn thành phố Hà Nội (Trần Thị Lệ Thu & Nguyễn thị Nhân Ái, 2019). Học sinh THCS Hà Nội gặp khó khăn chủ yếu trong “*Lĩnh vực học tập*” (ĐTB 2,32; ĐLC 0,802). Tuy nhiên, đây là điểm khác biệt cơ bản với nghiên cứu về khó khăn tâm lý của học sinh THCS trên địa bàn

thành phố Đà Nẵng: học sinh THCS Đà Nẵng gặp khó khăn tâm lí nhiều hơn học sinh THCS thành phố Hồ Chí Minh với ĐTB cao hơn ở tất cả các lĩnh vực: “*Giao tiếp ứng xử với bạn bè*” (ĐTB 3,52 > 1,67); “*Giao tiếp, ứng xử với thầy cô giáo*” (ĐTB 3,43 > 1,89) và “*Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân*” (ĐTB 3,40 > 1,80); “*Lĩnh vực học tập*” (ĐTB 3,04 > 2,20); “*Sự phát triển tâm lí và sinh lí của bản thân*” (ĐTB 3,21 > 1,97) (Trần Thị Lệ Thu & Nguyễn Thị Nhân Ái, 2019). Khác với học sinh THCS ở TPHCM & ở Đà Nẵng, học sinh THCS tại Nghệ An lại gặp khó khăn nhất là trong giao tiếp ứng xử với cha mẹ, người thân với ĐTB là 3,45 và giao tiếp ứng xử với thầy cô giáo với ĐTB là 3,44 (Thu Thi Le Tran et al; 2019).

Bảng 4. Khó khăn tâm lí của học sinh THCS xét theo khối lớp

TT	Lĩnh vực khó khăn	Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9	
		ĐTB	TB	ĐTB	TB	ĐTB	TB	ĐTB	TB
1	Lĩnh vực học tập	1,91	1	2,09	1	2,45	1	2,33	1
2	Sự phát triển tâm lí, sinh lí của bản thân	1,79	2	1,85	2	2,25	2	1,95	4
3	Giao tiếp, ứng xử với bạn bè (bạn cùng giới, khác giới, tình yêu)	1,69	3	1,53	5	1,80	4	1,61	5
4	Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân	1,64	4	1,82	3	1,80	4	1,96	3
5	Giao tiếp, ứng xử với thầy cô giáo	1,61	5	1,78	4	2,09	3	2,06	2
	Chung	1,76		1,71		2,03		1,96	

(*Chú thích: ĐTB- Điểm trung bình, ĐLC- Độ lệch chuẩn, Điểm: Min=1, Max=4*)

Kết quả kiểm định ANOVA so sánh theo khối lớp cho thấy: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình giữa khối 6 và khối 8 trên các lĩnh vực: *Lĩnh vực học tập; Sự phát triển tâm sinh lí; Giao tiếp ứng xử với thầy cô giáo* (với các hệ số Sig.< 0.05). Điều đó cũng có nghĩa học sinh khối 6 ít gặp khó khăn tâm lí hơn so với học sinh khối 8. Điểm TBC khó khăn tâm lí của học sinh khối 6 là 1,76 trong khi điểm TBC của học sinh khối 8 là 1,96. Đặc biệt ở ba lĩnh vực “*Học tập*”; “*Sự phát triển tâm sinh lí*” và “*Giao tiếp ứng xử với thầy cô giáo*” điểm TB của khối 6 lần lượt là 1,91; 1,79 và 1,61 trong khi ĐTB của khối 8 là 2,45; 2,25 và 2,09. Đây là điểm tương đồng thứ hai trong nghiên cứu này với nghiên cứu trước đây của tác giả Trần Thị Lệ Thu về khó khăn tâm lí của học sinh THCS trên địa bàn thành phố Hà Nội, học sinh khối 8 có nhiều khó khăn hơn học sinh khối 6 (Trần Thị Lệ Thu, Nguyễn Thị Nhân Ái, 2019). Đồng thời đây cũng là điểm khác biệt cơ bản thứ 2 so với nghiên cứu về khó khăn tâm lí của học sinh THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, học sinh khối 6 có nhiều khó khăn tâm lí hơn học sinh khối 8 ở hai lĩnh vực “*Học tập*” và “*Giao tiếp ứng xử với thầy cô giáo*” (Trần Thị Lệ Thu & CS, 2019).

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình giữa khối 6 và khối 9 trên lĩnh vực khó khăn: *Lĩnh vực học tập* (với hệ số Sig. = 0.044 < 0.05). Điều này có nghĩa học sinh khối 9 gặp khó khăn nhiều hơn học sinh khối 6 ở lĩnh vực học tập (ĐTB 2,33 > 1,91).

Bảng 5. Khó khăn tâm lí của học sinh THCS xét theo học lực

TT	Lĩnh vực khó khăn	Giỏi/XS			Khá		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Lĩnh vực học tập	2,09	0,538	1	2,36	0,741	1
2	Sự phát triển tâm lí và sinh lí của	1,90	0,547	2	2,07	0,714	3

	bản thân						
3	Giao tiếp, ứng xử với bạn bè (cùng giới, khác giới, tình yêu)	1,66	0,475	5	1,67	0,402	5
4	Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân	1,78	0,579	3	1,83	0,571	4
5	Giao tiếp, ứng xử với thầy cô	1,75	0,615	4	2,09	0,790	2
	Chung	1,82	0,433		1,98	0,502	

(Chú thích: ĐTB- Điểm trung bình, ĐLC- Độ lệch chuẩn, Điểm: Min=1, Max=4)

Sử dụng kiểm định T-test để so sánh 2 mẫu độc lập cho thấy:

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về ĐTB giữa hai nhóm học lực ở hai lĩnh vực “*Học tập*” và “*Giao tiếp ứng xử với thầy cô giáo*” (Sig. < 0.05). Nhóm học sinh *Khá* có nhiều khó khăn hơn nhóm học sinh *Giỏi/XS* với ĐTB lần lượt là 2,36; 2,09 và 2,09 và 1,75.

Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình giữa hai nhóm nam và nữ THCS trên cả 5 lĩnh vực khó khăn.

Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình giữa hai nhóm kinh tế gia đình (Nhóm kinh tế rất khó khăn, khó khăn, trung bình và nhóm khá, giàu) trên cả 5 lĩnh vực khó khăn.

Sử dụng kiểm định Oneway ANOVA so sánh trên 3 nhóm trình độ của *Bố*; trình độ của *Mẹ* và nghề nghiệp của *Bố Mẹ* cho thấy:

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa 3 nhóm trình độ của *Mẹ* ở lĩnh vực *Giao tiếp ứng xử với thầy cô giáo* (Sig. = 0.008), nhóm học sinh có *Mẹ* ở trình độ *Sau ĐH* cao hơn hai nhóm *Cao đẳng/ĐH* và *Phổ thông/TC* với ĐTB lần lượt là: 3,08; 1,81 và 1,85.

Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa 3 nhóm theo trình độ của *Bố* (*Sau ĐH*; *Cao đẳng/ĐH*; *Phổ thông/TC*) và 3 nhóm nghề nghiệp của *Bố* và *Mẹ* (*Tự do/Nội trợ/CN/NN*; *Cán bộ NN*; *Kinh doanh*) trên cả 5 lĩnh vực.

2.2.3. Thực trạng khó khăn tâm lý của học sinh trung học phổ thông nhóm mẫu thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát khó khăn tâm lý của học sinh THCS trên địa bàn TPHCM được tổng hợp trong các bảng 6, 7 và 8.

Bảng 6. Khó khăn tâm lý chung của học sinh THPT

STT	Lĩnh vực khó khăn	ĐTB	ĐLC	TB
1	Lĩnh vực học tập	2.48	0.614	1
2	Sự phát triển tâm lý và sinh lý của bản thân	2.31	0.686	3
3	Giao tiếp, ứng xử với bạn bè (bạn cùng giới, khác giới, tình yêu)	1.66	0.498	5
4	Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân	1.60	0.539	6
5	Giao tiếp, ứng xử với thầy cô giáo	1.87	0.699	4
6	Hướng nghiệp	2.43	0.812	2
	Chung	2.05	0.468	

(Chú thích: ĐTB- Điểm trung bình, ĐLC- Độ lệch chuẩn, Điểm: Min=1, Max=4)

Học sinh THPT gặp khó khăn tâm lý ở tất cả 6 lĩnh vực với ĐTB dao động trong khoảng 1,60 - 2,48 trên thang điểm 4. Trong đó 3 lĩnh vực học sinh có khó khăn nhiều nhất là: “*Lĩnh vực học tập*” với ĐTB 2,48 (ĐLC 0,614), “*Hướng nghiệp*” với ĐTB 2,43 (ĐLC 0,812) và “*Sự*

phát triển tâm sinh lí của bản thân” với ĐTB 2,31(ĐLC 0,812).

Như vậy có sự tương đồng với những nghiên cứu trước đây về khó khăn tâm lí của học sinh THPT trên địa bàn thành phố Hà Nội và khó khăn tâm lí của học sinh THPT trên địa bàn thành phố Đà Nẵng: Học sinh THPT có khó khăn tập trung chủ yếu ở ba lĩnh vực học tập, phát triển tâm sinh lí và hướng nghiệp với ĐTB tại TP Hà Nội dao động trong khoảng 2,14 - 2,16 (Trần Thị Lệ Thu, Nguyễn Thị Nhân Ái, 2019) và Đà Nẵng từ 2,11 - 2,43 (Trần Thị Lệ Thu & CS, 2019). So với Nghệ An cũng có khác biệt, học sinh THPT tại Nghệ An khó khăn nhiều nhất ở lĩnh vực hướng nghiệp và học tập với ĐTB là 2,12 & 2,10 (Thu Thi Le Tran et al; 2019).

Bảng 7. Khó khăn tâm lí của học sinh THPT xét theo giới tính

TT	Lĩnh vực khó khăn	Nam			Nữ		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Lĩnh vực học tập	2.34	0.640	1	2.52	0.600	2
2	Sự phát triển tâm lí và sinh lí của bản thân	2.13	0.612	3	2.36	0.695	3
3	Giao tiếp, ứng xử với bạn bè (bạn cùng giới, khác giới, tình yêu)	1.70	0.475	5	1.66	0.509	5
4	Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân	1.60	0.658	6	1.60	0.489	6
5	Giao tiếp, ứng xử với thầy cô giáo	1.82	0.734	4	1.88	0.693	4
6	Hướng nghiệp	2.14	0.750	2	2.55	0.818	1
	Chung	1.91	0.505		2.11	0.443	

Kết quả kiểm định T-test so sánh 2 mẫu độc lập cho thấy:

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình giữa hai nhóm học sinh nam và nữ THPT ở lĩnh vực *Hướng nghiệp* (Sig. = 0.020 < 0.05), nữ học sinh gặp khó khăn nhiều hơn nam học sinh (ĐTB 2,55 > 2,14).

Bảng 8. Khó khăn tâm lí của học sinh THPT xét theo học lực

TT	Lĩnh vực khó khăn	Khá			Giỏi/XS		
		ĐTB	ĐLC	TB	ĐTB	ĐLC	TB
1	Lĩnh vực học tập	2.63	0.671	1	2.32	0.528	2
2	Sự phát triển tâm lí và sinh lí của bản thân	2.42	0.701	3	2.20	0.641	3
3	Giao tiếp, ứng xử với bạn bè (bạn cùng giới, khác giới, tình yêu)	1.67	0.522	5	1.67	0.478	5
4	Giao tiếp, ứng xử với cha mẹ và người thân	1.64	0.518	6	1.56	0.564	6
5	Giao tiếp, ứng xử với thầy cô	1.96	0.707	4	1.78	0.689	4
6	Hướng nghiệp	2.45	0.838	2	2.43	0.783	1
	Chung	2.15	0.492		1.97	0.431	

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình giữa hai nhóm học sinh Giỏi/XS và học sinh Khá trong lĩnh vực Học tập (Sig. = 0.012 < 0,05), nhóm học sinh Giỏi/XS ít gặp khó khăn hơn nhóm Khá (ĐTB 2,32 < 2,63).

Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình giữa hai nhóm kinh tế gia đình của học sinh THPT trên cả 5 lĩnh vực.

2.3. Thực trạng hỗ trợ Tâm lý học đường cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Hiệu quả của những cách trợ giúp học sinh thường chọn khi có khó khăn tâm lý

Bảng 9a và 9b bên dưới tổng hợp kết quả khảo sát những cách trợ giúp mà học sinh thường chọn khi các em gặp khó khăn tâm lý.

Bảng 9a. Cách trợ giúp học sinh THCS thường chọn khi có khó khăn tâm lý

Stt	Các cách trợ giúp	Cách em chọn			Có hiệu quả		
		SL	%	TB	SL	%	TB
1	Chia sẻ trực tiếp với bạn bè trong môi trường gần nhất (bạn cùng lớp, hàng xóm, v.v.)	70	58.3	1	48	40.0	1
2	Chia sẻ với bạn bè bốn phương qua internet (Mạng xã hội: Facebook, Zalo; Twitter, v.v.)	47	39.2	5	16	13.3	7
3	Âm thầm chịu đựng, không chia sẻ với ai	57	47.5	2	18	15.0	5
4	Nhờ thầy cô giúp đỡ, tư vấn	37	30.8	8	18	15.0	5
5	Tâm sự và hỏi ý kiến của bố mẹ, người thân	49	40.8	4	25	20.8	2
6	Viết nhật kí	39	32.5	7	13	10.8	8
7	Tìm gặp cán bộ tâm lý để nhận trợ giúp/ Đến phòng tâm lý học đường của trường (nếu có)	34	28.3	10	10	8.3	9
8	Tham gia các hoạt động tập thể	56	46.7	3	23	19.2	3
9	Bỏ mặc vấn đề vì không biết giải quyết như thế nào	36	30.0	9	2	1.7	11
10	Tìm dịch vụ tư vấn qua điện thoại, thư điện tử, cơ sở tư nhân	23	19.2	11	3	2.5	10
11	Bỏ đi chơi với bạn bè, chơi game hoặc xem phim hay đọc truyện,... quá nhiều	43	35.8	6	20	16.7	4
12	Sử dụng chất kích thích (bia, rượu, thuốc lá...)	10	8.3	12	1	0.8	12

Khi có khó khăn tâm lý, học sinh THCS thành phố Hồ Chí Minh thường lựa chọn các hình thức trợ giúp khác nhau:

Hình thức trợ giúp mang tích cực được lựa chọn nhiều nhất: 58,3% “Chia sẻ trực tiếp với bạn bè trong môi trường gần nhất (bạn cùng lớp, hàng xóm, v.v.)”; 46,7% “Tham gia các hoạt động tập thể”; 40,8% “Tâm sự và hỏi ý kiến của bố mẹ, người thân”; 39,2% “Chia sẻ với bạn bè bốn phương qua internet (Mạng xã hội: Facebook, Zalo; Twitter, v.v.)”; 32,5% “Viết nhật kí”; 30,8% “Nhờ thầy cô giúp đỡ, tư vấn”.

Bên cạnh đó không ít học sinh lựa chọn những hình thức trợ giúp tiêu cực như: 47,5% “Âm thầm chịu đựng, không chia sẻ với ai”; 35,8 % “Bỏ đi chơi với bạn bè, chơi game hoặc xem phim hay đọc truyện,... quá nhiều”; 30,0% “Bỏ mặc vấn đề vì không biết giải quyết như thế nào”; 8,3% “Sử dụng chất kích thích (bia, rượu, thuốc lá...)”.

Những hình thức trợ giúp mang tính chuyên nghiệp chưa thực sự cuốn hút sự tham gia của học sinh: 28,3% “Tìm gặp cán bộ tâm lý để nhận trợ giúp/ Đến phòng tâm lý học đường của trường (nếu có)”; 19,2% “Tìm dịch vụ tư vấn qua điện thoại, thư điện tử, cơ sở tư nhân”

Theo cảm nhận của học sinh, mức độ hiệu quả của các hình thức trợ giúp đối với các em

khi có khó khăn tâm lí là không cao. Cụ thể là:

Những hình thức trợ giúp tích cực là những hình thức được học sinh đánh giá hiệu quả nhất dao động trong khoảng 15% - 40%: “Chia sẻ trực tiếp với bạn bè trong môi trường gần nhất (bạn cùng lớp, hàng xóm, v.v.)” được 40% học sinh cho rằng hiệu quả; “Tâm sự và hỏi ý kiến của bố mẹ, người thân” được 20,8% học sinh cho rằng có hiệu quả; “Tham gia các hoạt động tập thể” được 19,2% học sinh cho rằng có hiệu quả; “Nhờ thầy cô giúp đỡ, tư vấn” được 15% học sinh cho rằng có hiệu quả. Riêng hai hình thức “Viết nhật kí” và “Chia sẻ với bạn bè bốn phương qua internet (Mạng xã hội: Facebook, Zalo; Twitter, v.v.)” được đánh giá mức độ hiệu quả không cao với 10,8% và 13,3% học sinh cho rằng có hiệu quả.

Điều đáng lưu ý là trong những hình thức trợ giúp tiêu cực có 2 hình thức được học sinh đánh giá mức độ hiệu quả khá cao như: “Bỏ đi chơi với bạn bè, chơi game hoặc xem phim hay đọc truyện,... quá nhiều” được 16,7% học sinh cho rằng hiệu quả “Âm thầm chịu đựng, không chia sẻ với ai” được 15% học sinh cho rằng hiệu quả. Đối với vấn đề “Bỏ mặc vấn đề vì không biết giải quyết như thế nào” và “Sử dụng chất kích thích (bia, rượu, thuốc lá...)” chỉ có 1,7% và 0,8% học sinh cho rằng có hiệu quả.

Hai hình thức trợ giúp mang tính chuyên nghiệp “Tìm gặp cán bộ tâm lí để nhận trợ giúp/ Đến phòng tâm lí học đường của trường và “Tìm dịch vụ tư vấn qua điện thoại, thư điện tử, cơ sở tư nhân” được đánh giá mức độ hiệu quả rất thấp với tỉ lệ 8,3% và 2,5%.

Bảng 9b. Cách trợ giúp học sinh THPT thường chọn khi có khó khăn tâm lí

Stt	Các cách trợ giúp	Cách em chọn			Có hiệu quả		
		SL	%	TB	SL	%	TB
1	Chia sẻ trực tiếp với bạn bè trong môi trường gần nhất (bạn cùng lớp, hàng xóm, v.v.)	67	60.4	1	48	43.2	1
2	Chia sẻ với bạn bè bốn phương qua internet (Mạng xã hội: Facebook, Zalo; Twitter, v.v.)	23	20.7	6	14	12.6	6
3	Âm thầm chịu đựng, không chia sẻ với ai	49	44.1	2	16	14.4	4
4	Nhờ thầy cô giúp đỡ, tư vấn	19	17.1	8	14	12.6	6
5	Tâm sự và hỏi ý kiến của bố mẹ, người thân	38	34.2	3	28	25.2	2
6	Viết nhật kí	16	14.4	9	7	6.3	8
7	Tìm gặp cán bộ tâm lí để nhận trợ giúp/ Đến phòng tâm lí học đường của trường (nếu có)	5	4.5	11	2	1.8	10
8	Tham gia các hoạt động tập thể	35	31.5	4	25	22.5	3
9	Bỏ mặc vấn đề vì không biết giải quyết như thế nào	21	18.9	7	4	3.6	9
10	Tìm dịch vụ tư vấn qua điện thoại, thư điện tử, cơ sở tư nhân	4	3.6	10	0	0.0	12
11	Bỏ đi chơi với bạn bè, chơi game hoặc xem phim hay đọc truyện,... quá nhiều	25	22.5	5	16	14.4	4
12	Sử dụng chất kích thích (bia, rượu, thuốc lá...)	2	1.8	12	1	0.9	11

Khi có khó khăn tâm lí, học sinh THPT lựa chọn các hình thức trợ giúp cơ bản sau đây:

Hình thức trợ giúp tích cực được học sinh lựa chọn nhiều nhất là: 60,4% “Chia sẻ trực tiếp

với bạn bè trong môi trường gần nhất (bạn cùng lớp, hàng xóm, v.v.)”; 34,2% “*Tâm sự và hỏi ý kiến của bố mẹ, người thân*”; 31,5% “*Tham gia các hoạt động tập thể*”; 20,7% “*Chia sẻ với bạn bè bốn phương qua internet (Mạng xã hội: Facebook, Zalo; Twitter, v.v.)*”; 17,1% “*Nhờ thầy cô giúp đỡ, tư vấn*”; 14,4% “*Viết nhật kí*”;

Hình thức trợ giúp tiêu cực được học sinh lựa chọn là: 44,1% “*Âm thầm chịu đựng, không chia sẻ với ai*”; 22,5% “*Bỏ đi chơi với bạn bè, chơi game hoặc xem phim hay đọc truyện, ... quá nhiều*”; 18,9% “*Bỏ mặc vấn đề vì không biết giải quyết như thế nào*”; 1,8% “*Sử dụng chất kích thích (bia, rượu, thuốc lá...)*”

Đối với hình thức trợ giúp mang tính chuyên nghiệp, học sinh THPT lựa chọn rất thấp: 4,5% “*Tìm gặp cán bộ tâm lý để nhận trợ giúp/ Đến phòng tâm lý học đường của trường (nếu có)*”; 3,6% “*Tìm dịch vụ tư vấn qua điện thoại, thư điện tử, cơ sở tư nhân*”.

Theo cảm nhận của học sinh, mức độ hiệu quả của các hình thức trợ giúp là chưa cao:

Các hình thức trợ giúp tích cực được học sinh THPT đánh giá: “*Chia sẻ trực tiếp với bạn bè trong môi trường gần nhất (bạn cùng lớp, hàng xóm, v.v.)*” được 43,2% học sinh cho rằng có hiệu quả; “*Tâm sự và hỏi ý kiến của bố mẹ, người thân*” được 25,2% học sinh cho rằng có hiệu quả; “*Tham gia các hoạt động tập thể*” được 22,5% học sinh cho rằng có hiệu quả. Hai hình thức “*Nhờ thầy cô giúp đỡ, tư vấn*” và “*Chia sẻ với bạn bè bốn phương qua internet (Mạng xã hội: Facebook, Zalo; Twitter, v.v.)*” được học sinh đánh giá mức độ hiệu quả thấp nhất với tỉ lệ 12,6%.

Hình thức trợ giúp tiêu cực như “*Âm thầm chịu đựng*” và “*Bỏ đi chơi với bạn bè, chơi game hoặc xem phim hay đọc truyện, ... quá nhiều*” được 14,4% học sinh đánh giá hiệu quả.

Các hình thức còn lại được học sinh đánh giá về mức độ hiệu quả rất thấp dao động trong khoảng 0% đến 6,3%. Điểm đáng lưu ý là cả hai hình thức hỗ trợ chuyên nghiệp “*Tìm gặp cán bộ tâm lý để nhận trợ giúp/ Đến phòng tâm lý học đường của trường (nếu có)*” và “*Tìm dịch vụ tư vấn qua điện thoại, thư điện tử, cơ sở tư nhân*” được đánh giá rất thấp với tỉ lệ 1,8% và 0%.

Kết quả cho thấy có sự tương đồng trong việc lựa chọn cách trợ giúp và đánh giá về mức độ hiệu quả của các hình thức trợ giúp giữa học sinh THCS và học sinh THPT ở thành phố Hồ Chí Minh. Hình thức trợ giúp được học sinh lựa chọn nhiều nhất và đánh giá hiệu quả cao nhất là hình thức trợ giúp như: “*Chia sẻ trực tiếp với bạn bè trong môi trường gần nhất (bạn cùng lớp, hàng xóm, v.v.)*”; “*Tâm sự và hỏi ý kiến của bố mẹ, người thân*”; “*Tham gia các hoạt động tập thể*”; “*Chia sẻ với bạn bè bốn phương qua internet (Mạng xã hội: Facebook, Zalo; Twitter, v.v.)*”; “*Nhờ thầy cô giúp đỡ, tư vấn*”; “*Viết nhật kí*”. Bên cạnh đó không ít hình thức trợ giúp tiêu cực cũng được học sinh lựa chọn và cho rằng có hiệu quả nhất định như: “*Âm thầm chịu đựng, không chia sẻ với ai*”; “*Bỏ đi chơi với bạn bè, chơi game hoặc xem phim hay đọc truyện, ... quá nhiều*”; “*Bỏ mặc vấn đề vì không biết giải quyết như thế nào*”; “*Sử dụng chất kích thích (bia, rượu, thuốc lá...)*”. Đặc biệt hai hình thức trợ giúp chuyên nghiệp còn mới mẻ và chưa thực sự thu hút cũng như đem lại hiệu quả trợ giúp cho các em.

Kết quả chỉ ra sự tương đồng cũng như sự khác biệt trong việc lựa chọn các hình thức trợ giúp và cảm nhận về hiệu quả của các hình thức trợ giúp giữa học sinh THCS - THPT thành phố Hồ Chí Minh và học sinh THCS - THPT Đà Nẵng (Trần Thị Lệ Thu & CS, 2019): Về sự tương đồng: Hình thức trợ giúp tích cực được học sinh lựa chọn nhiều nhất và cũng được đánh giá hiệu quả cao nhất như: “*Chia sẻ trực tiếp với bạn bè trong môi trường gần nhất (bạn cùng lớp, hàng xóm, v.v.)*”; “*Tâm sự và hỏi ý kiến của bố mẹ, người thân*”; “*Tham gia các hoạt động tập thể*”; Ba hình thức trợ giúp tiêu cực cũng được học sinh lựa chọn và đánh giá hiệu quả khá nhiều, đó là: “*Âm thầm chịu đựng, không chia sẻ với ai*”; “*Bỏ mặc vấn đề vì không biết giải quyết như thế nào*”; “*Bỏ mặc vấn đề vì không biết giải quyết như thế nào*”; Hai hình thức trợ giúp mang tính chuyên nghiệp “*Tìm gặp cán bộ tâm lý để nhận trợ giúp/ Đến phòng tâm lý học đường của trường*” và “*Tìm dịch vụ tư vấn qua điện thoại, thư điện tử, cơ sở tư nhân*” chưa thực sự thu hút được sự tham gia của học sinh.(2) Về sự khác biệt: Tỉ lệ học sinh THCS - THPT Đà

Năng lựa chọn và đánh giá mức độ hiệu quả về các hình thức lựa chọn cao hơn học sinh THCS - THPT thành phố Hồ Chí Minh đối với mọi hình thức trợ giúp.

2.3.2. Mức độ hài lòng của học sinh về dịch vụ tâm lý học đường

Bảng 10a và 10b bên dưới tổng hợp kết quả khảo sát thực trạng trợ giúp khó khăn tâm lý của nhà trường dành cho học sinh THCS & THPT khi các em gặp khó khăn tâm lý.

Bảng 10a. Thực trạng trợ giúp của nhà trường đối với học sinh THCS

Stt	Các cách trợ giúp	Có trợ giúp			Có hiệu quả		
		SL	%	TB	SL	%	TB
1	Đưa ra lời khuyên, giải pháp cho em	79	65.8	1	64	53.3	1
2	Lắng nghe em chia sẻ, giúp các em phân tích vấn đề để em tự lựa chọn cách giải quyết	65	54.2	2	57	47.5	2
3	Thay em giải quyết vấn đề	16	13.3	3	16	13.3	3
4	Giới thiệu nhà tâm lý (người trợ giúp) phù hợp cho em	16	13.3	3	14	11.7	4
5	Bảo em làm theo ý muốn, yêu cầu mà thầy cô, cán bộ nhà trường, bạn bè cho là đúng	15	12.5	5	11	9.2	5

Khi học sinh có khó khăn tâm lý, các em thường nhận được sự trợ giúp của Thầy Cô và nhà trường theo ba cách thức cơ bản: (1) “*Lắng nghe em chia sẻ, giúp các em phân tích vấn đề để em tự lựa chọn cách giải quyết*” với 54,2% học sinh THCS và 57,7% học sinh THPT; (2) “*Đưa ra lời khuyên, giải pháp cho em*” với 65,8% học sinh THCS và 51,4% THPT; (3) Đối với cách thức “*Giới thiệu nhà tâm lý (người trợ giúp) phù hợp cho em*” được học sinh THCS đề cập nhiều hơn học sinh THPT (13,3% > 7,2%).

Bảng 10b. Thực trạng trợ giúp của nhà trường đối với học sinh THPT

Stt	Các cách trợ giúp	Có trợ giúp			Có hiệu quả		
		SL	%	TB	SL	%	TB
1	Đưa ra lời khuyên, giải pháp cho em	57	51.4	2	44	39.6	1
2	Lắng nghe em chia sẻ, giúp các em phân tích vấn đề để em tự lựa chọn cách giải quyết	64	57.7	1	44	39.6	1
3	Thay em giải quyết vấn đề	5	4.5	5	1	0.9	5
4	Giới thiệu nhà tâm lý (người trợ giúp) phù hợp cho em	8	7.2	3	8	7.2	3
5	Bảo em làm theo ý muốn, yêu cầu mà thầy cô, cán bộ nhà trường, bạn bè cho là đúng	7	6.3	4	2	1.8	4

Theo cảm nhận của học sinh, các cách thức trợ giúp trên của Thầy Cô và nhà trường đạt được những hiệu quả nhất định: (1) “*Lắng nghe em chia sẻ, giúp các em phân tích vấn đề để em tự lựa chọn cách giải quyết*” được 47,5% học sinh THCS và 39,6% học sinh THPT đánh giá có hiệu quả; (2) “*Đưa ra lời khuyên, giải pháp cho em*” được 53,3% học sinh THCS và 39,6% học sinh THPT đánh giá có hiệu quả; (3) “*Giới thiệu nhà tâm lý (người trợ giúp) phù hợp cho em*” được 11,7% học sinh THCS và 7,2% học sinh THPT đánh giá có hiệu quả.

Bảng 11. Mức độ hài lòng của học sinh về dịch vụ tâm lý học đường

Stt	Mức độ hài lòng	THCS		THPT		Chung	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Rất hài lòng	22	18.3	8	7.2	30	13,0
2	Hài lòng	50	41.7	55	49.5	105	45,5
3	Phần nào hài lòng	29	24.2	36	32.4	65	28,1
4	Không hài lòng	7	5.8	8	7.2	15	6,5
5	Ý kiến khác	12	10.0	4	3.6	16	6,9

Số liệu Bảng 11 cho thấy, 58,5% học sinh hài lòng và rất hài lòng với dịch vụ tâm lý học đường trong nhà trường. Trong đó tỉ lệ hài lòng và rất hài lòng của học sinh THCS là 60% và học sinh THPT là 56,7%. Bên cạnh đó cũng còn không ít những học sinh chưa thực sự hài lòng với dịch vụ tư vấn tâm lý trong nhà trường (30% học sinh THCS và 39,6% học sinh THPT). Như vậy, việc đáp ứng nhu cầu tư vấn học đường thực sự là thách thức đối với các nhà trường phổ thông trong giai đoạn hiện nay.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu trên 231 học sinh (120 học sinh THCS và 111 học sinh THPT) tại các trường THCS và THPT thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: Học sinh THCS và học sinh THPT có những khó khăn tâm lý ở các lĩnh vực khác nhau. Học sinh THCS gặp khó khăn nhiều nhất ở lĩnh vực học tập, học sinh THPT khó khăn nhiều nhất ở lĩnh vực học tập, hướng nghiệp và sự phát triển tâm sinh lý. Có sự khác biệt về mức độ khó khăn tâm lý ở học sinh xét theo các biến số khối lớp, giới tính, học lực và hoàn cảnh kinh tế của gia đình, trình độ của Mẹ. Tồn tại cả những điểm khác biệt và tương đồng trong nghiên cứu về khó khăn tâm lý của học sinh THCS và THPT trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh với Hà Nội, Nghệ An & Đà Nẵng. Khi có khó khăn tâm lý, học sinh sử dụng các hình thức trợ giúp khác nhau (tích cực, tiêu cực và hình thức trợ giúp chuyên nghiệp), điều đáng lưu ý là hình thức trợ giúp chuyên nghiệp chưa được học sinh chú trọng. Hơn nữa học sinh đánh giá hài lòng và rất hài lòng đối với hoạt động trợ giúp của nhà trường.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo trong đề tài mã số B2015- 17- 73, do PGS.TS. Trần Thị Lệ Thu làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ Dũng, 2008. *Từ điển Tâm lý học*. Nxb Từ điển Bách Khoa.
- [2] Cao Vũ Hùng, Quách Thúy Minh và cộng sự, 2007. *Sức khỏe tâm thần của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở*. Kì yếu hội thảo “Can thiệp và phòng ngừa các vấn đề sức khỏe tinh thần trẻ em Việt Nam”. Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Ngô Thanh Hồi và cộng sự, 2007. *Nghiên cứu khảo sát dịch tễ phát hiện các vấn đề sức khỏe tâm thần của học sinh tiểu học & THCS thành phố Hà Nội*. Kì yếu hội thảo “Can thiệp và phòng ngừa trên cơ sở khoa học các vấn đề sức khỏe tâm thần trẻ em ở Việt Nam”. Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Nguyễn Hồi Loan, 2009. *Rối nhiễu tâm lý của trẻ em vị thành niên các trường trung học phổ thông trên địa bàn Hà Nội*. Kì yếu Hội thảo khoa học quốc tế về Tâm lý học đường lần I - Nhu cầu, định hướng và đào tạo Tâm lý học đường tại Việt Nam. Viện Tâm lý học, tr. 95 - 99.

- [5] Đặng Hoàng Minh, Bahr Weirss, Nguyễn Cao Minh, 2013. *Sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam: Thực trạng và các yếu tố nguy cơ*. Đề tài nghiên cứu thuộc dự án R21 TW008435 của Viện Sức khỏe Hoa Kỳ, do đại học Vanderbilt, Hoa kỳ và trung tâm CRISP, trường Đại học giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện.
- [6] Đặng Hoàng Minh, Hoàng Cẩm Tú, 2009. Thực trạng sức khỏe tâm thần ở học sinh THCS ở Hà Nội và nhu cầu tham vấn sức khỏe tâm thần học đường. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 25, Số 1. Tr. 106 - 112.
- [7] Trần Thị Lệ Thu, Nguyễn Thị Nhân Ái, 2019. Sức khỏe tâm lí của học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông tại Hà Nội. *Tạp chí khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Volume 64, Issue1, 2019. 91- 98.
- [8] Trần Thị Lệ Thu, Nguyễn Thị Nhân Ái, Nguyễn Thị Trâm Anh, (2019), Khó khăn tâm lí và thực trạng hỗ trợ tâm lí học đường cho học sinh THCS và học sinh THPT tại Đà Nẵng, *Tạp chí Tâm lí học xã hội*, số 9 – 2019, tr.3-16.
- [9] Thu Thi Le Tran, Ai Thi Nhan Nguyen, Ly Hang Tran, Loc Phuc Nguyen., 2019. *Psychological difficulties of Junior high school & High school students in Nghe An*. Mental Health Literacy in Schools and the Community: Proceeding from the 5th International Conference on Child Mental Health in Vietnam. Hanoi National University publishing House, pp.297- 303.

ABSTRACT

Psychological difficulties & school psychology support

for Junior high school & High school students in Ho Chi Minh City

Tran Thi Le Thu^{*1}, Nguyen Thi Nhan Ai¹, Pham Thi Dieu Thuy¹ và Nguyen Thi Van²

¹*Faculty of Psychology, Hanoi National University of Education*

²*Faculty of Psychology, University of Social Sciences and Humanities,
The Hochiminh city National University*

This study aims to survey the state of psychological health, specifically the psychological difficulties of 231 junior high school and high school students in Ho Chi Minh City (111 high school pupils & 120 junior high school pupils) through a self-report survey on those areas: (1) Study; (2) Psychophysiological development; (3) Communication with friends; (4) Communication with parents; (5) Communication with teachers. 111 high schoolers also completed one more area, which is vocational orientation. Research results showed that junior high schoolers face the most difficulties in the field of study, high school students have the most difficulties in the field of study, vocational orientation and psychological development. The level of psychological difficulty in pupils are different in terms of grade level, gender, education, family's economic situation, and mother's educational level. The study also showed that junior and high school students often choose to solve their psychological difficulties by sharing with friends, confiding with their parents, relatives and participating in collective activities. About half of the students were satisfied with the school psychological support given to them. Most teachers believed that students should be assisted by psychologists, not teachers and school facilities regarding this problem.

Keywords: Psychological difficulties, Pupils, Junior high school, High school, School psychology support.